

Bản án số: 03/2022/KDTM-PT

Ngày: 21 - 02 - 2022

V/v “Tranh chấp Hợp đồng
nhượng quyền thương mại”

FDVN LAW FIRM

Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng nhượng quyền thương mại”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1069/2021/QĐXX-PT ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị D-Chủ hộ kinh doanh Trà sữa và Bánh R; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1998; địa chỉ: thành phố H, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Nhật N, Công ty Luật TNHH N và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: thành phố H, có mặt;

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị Phương A; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Hoàng Quốc H, Công ty Luật TNHH MTV B, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn và của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thể hiện:

Bà Lê Ngọc D và bà Hồ Thị Phương A có “Thỏa thuận kinh doanh” sử dụng nhãn hiệu “Trà sữa và Bánh R-MR R MILKTEA & BAKERY” tại 46 P, phường T, thành phố H.

Vào ngày 25/6/2019, bà Giao có gửi qua email bà Phương A (phuongaxxx@gmail.com) toàn bộ nội dung dự thảo “Hợp đồng nhượng quyền thương mại”, có nội dung: Bên nhượng quyền (Bên A): Cửa hàng trà bánh R. Bên nhận chuyển nhượng (Bên B): Bà (chưa ghi tên). Phí nhượng quyền: 150.000.000 đồng, thỏa thuận phân chia lợi nhuận (Lợi nhuận 150.000.000 đồng mỗi tháng thì không chia cho Bên A, từ 150.000.000 đồng - 200.000.000 đồng thì chia cho A 5% của lợi nhuận, từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng thì chia cho A 6% của lợi nhuận...), phương thức thanh toán: Thanh toán theo hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt. Thời hạn thanh toán, phân chia lợi nhuận từ ngày 05 đến ngày 10 mỗi tháng. Hai bên chưa ký kết hợp đồng nhưng giữa bà D và bà Phương A đã thống nhất sử dụng toàn bộ công thức pha chế, quản lý lao động, trang trí địa điểm và quảng bá nhãn hiệu. Bà Phương A đã chuyển khoản cho bà D 100.000.000 đồng. Việc khai trương và chính thức hoạt động nhãn hiệu “Trà sữa và Bánh R tại 46 P, phường T, thành phố H bắt đầu vào ngày 30/6/2019. Tuy nhiên, bà Phương A đã sử dụng không đúng công thức, cố tình gian dối để đạt lợi nhuận. Ngày 29/7/2019, bà Phương A thông báo công khai không kinh doanh nhãn hiệu “Trà sữa và Bánh R” tại 46 P và tháo gỡ biển hiệu kinh doanh mà không thông báo cho bà D biết. Việc bà Phương A không tuân thủ theo các cam kết đã thỏa thuận khi thực hiện hợp đồng nhượng quyền thương hiệu làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D. Vì vậy, bà D khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Hồ Thị Phương A thanh toán cho bà Lê Ngọc D số tiền chưa thanh toán theo thỏa thuận để sử dụng nhãn hiệu “Trà sữa và Bánh R” tại 46 P, phường T, thành phố H với số tiền: 50.000.000 đồng.

- Buộc bà Hồ Thị Phương A phải thanh toán số tiền phân chia lợi nhuận từ ngày 25/6/2019 đến 29/7/2019 là 8.500.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà Lê Ngọc D yêu cầu bà Hồ Thị Phương A phải thanh toán là 158.500.000 đồng.

2. Trình bày của bị đơn thể hiện:

Vào khoảng tháng 3/2019, do có quen biết nên bà Phương A và bà D có thỏa thuận hợp đồng nhượng quyền thương mại sử dụng nhãn hiệu “Trà sữa và Bánh R”. Ban đầu các bên thỏa thuận bằng lời nói: Giá hợp đồng là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, lúc kiểm tra hợp đồng do bà D chuyển qua email thì thấy hợp đồng được đánh máy vi tính ghi số tiền phí nhượng quyền là 200.000.000 đồng và các nội dung khác trong hợp đồng đều không đúng như hai bên thỏa thuận nên bà Phương A không ký và yêu cầu bà D soạn thảo lại. Sau đó bà D đồng ý thỏa thuận bằng lời nói xác nhận phí nhượng quyền là 100.000.000 đồng. Bà Phương A đã chuyển khoản cho bà D 100.000.000 đồng và đã đầu tư mua ly tách, quay phim, chạy quảng cáo, lắp đặt hệ thống quảng cáo tại quán với số tiền là 47.718.240 đồng. Ngày 30/6/2019, bà Phương A khai trương quán “Trà sữa và Bánh R” tại 46 P, phường T, thành phố H. Sau đó, bà D đòi tăng phí nhượng quyền lên 150.000.000 đồng do thấy cửa hàng có đông khách.

Do không nhận được bất cứ thông tin gì về hệ thống nhượng quyền thương mại về thương hiệu và không nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ của bà D về đào tạo, huấn luyện, công thức pha chế, phương pháp kinh doanh, hệ thống kế toán, kỹ thuật bán hàng, tiếp thị quảng cáo nên ngày 25/7/2019 bà Phương A chấm dứt không kinh doanh thương hiệu “Trà sữa và Bánh R”. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phương A không đồng ý.

Ngày 01/6/2020, bị đơn bà Phương A có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng nhượng quyền thương mại vô hiệu; buộc nguyên đơn bà D phải trả lại cho bị đơn số tiền đã nhận 100.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại với số tiền 47.718.240 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 14/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 30, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 284, 285, 287, 306 Luật Thương mại năm 2005. Điều 122, 123, 131, 132 của Bộ luật Dân sự 2015. Điều 7 Luật Đầu tư năm 2014. Điều 4, 139, 141, 142 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2014. Điều 5, 6 Nghị định 35/2006/NĐ-CP ngày 31/3/2006. Điều 8 Nghị định 15/01/2018 của chính phủ. Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc D về việc buộc bị đơn bà Hồ Thị Phương A phải thanh toán số tiền 158.500.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hồ Thị Phương A:

Tuyên bố hợp đồng nhượng quyền thương mại hiệu “Trà sữa và Bánh R” xác lập giữa nguyên đơn bà Lê Ngọc D với bị đơn bà Hồ Thị Phương A là vô hiệu.

Buộc nguyên đơn bà Lê Ngọc D phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho bị đơn bà Hồ Thị Phương A.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải

bồi thường thiệt hại với số tiền 47.718.240 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/6/2021, nguyên đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm tố tụng, không giải quyết phần lợi nhuận, chưa định giá quyền sở hữu trí tuệ, không triệu bà Thảo tham gia tố tụng. Đồng ý Hợp đồng vô hiệu, tuy nhiên phải xem xét hậu quả Hợp đồng vô hiệu. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn; nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại. Yêu cầu triệu tập bà Thảo là không cần thiết. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án, đến trước thời điểm nghị án là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Bà D và bà Phương A có xác lập Hợp đồng nhượng quyền thương mại theo đúng quy định Điều 285 Luật Thương mại năm 2005. Tuy nhiên, thời điểm nhượng quyền thương mại là không đảm bảo điều kiện theo khoản 6 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2014; Điều 123 Bộ luật Dân sự 2015 nên vô hiệu do vi phạm điều cấm. Lỗi thuộc về hai bên. Trong nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã bao gồm thiệt hại về quyền sở hữu trí tuệ đối với tên thương mại nhãn hiệu và bí mật kinh doanh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 23/6/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Đình T, bà Trần Thị Như P kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 14/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy đơn kháng cáo của ông T, bà P là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó

Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo:

[2.1] Hộ kinh doanh hiệu “Trà sữa và Bánh R” được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 23/11/2018, người đại diện là bà Lê Ngọc D. Ngày 28/5/2019, giữa bà Lê Ngọc D (bên A) với bà Hồ Thị Phương A (bên B) có thỏa thuận với nội: “... Bên A cho phép bên B mở một cửa hàng kinh doanh đồ uống và sản phẩm trà sữa mang nhãn hiệu “R”, được quyền sử dụng kiểu dáng, biểu tượng của sản phẩm trà sữa MR Rado theo hình ảnh do bên A cung cấp, được sử dụng bí mật kinh doanh của bên A là cách pha chế đồ uống, cách thức hoạt động, các định hướng kinh doanh, quảng cáo, băng rôn của bên A. ... giá chuyển nhượng, phân chia lợi nhuận...”. Hai bên xác nhận giao dịch qua tin nhắn facebook; đồng thời, bà Hồ Thị Phương A đã chuyển cho bà Lê Ngọc D 02 lần tiền vào các ngày 28/5/2019, 12/6/2019 với tổng số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Ngày 30/6/2019, bà Hồ Thị Phương A khai trương và kinh doanh hiệu Trà sữa và Bánh Rado-MR Rado Milktea & Bakery tại địa chỉ 46 P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, đây là Hợp đồng nhượng quyền thương mại theo quy định tại Điều 285 Luật Thương mại

[2.2] Điều 285 Luật Thương mại quy định: “Hợp đồng nhượng quyền thương mại phải được lập thành văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương”; nhượng quyền thương mại được quy định trong Phụ lục số 04, kèm theo Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (Ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư); Điều 5, Điều 6 Nghị định 35/2006/NĐ-CP ngày 31/3/2006 và Điều 8 Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ, quy định: Điều kiện đối với bên nhượng quyền-Thương nhân được phép cấp quyền thương mại khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây “Thương nhân được phép cấp quyền thương mại khi hệ thống kinh doanh dự định dùng để nhượng quyền đã được hoạt động ít nhất 01 năm”. Điều kiện đối với bên nhận quyền “Thương nhân được phép nhận quyền thương mại khi có đăng ký kinh doanh ngành nghề phù hợp với đối tượng của quyền thương mại”.

Như vậy, kể từ ngày 23/11/2018 Hộ kinh doanh “Trà sữa và Bánh R” được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đến ngày 25/8/2019 hai bên nhượng quyền thương mại thì hệ thống kinh doanh của bà Lê Ngọc D hoạt động chưa được 01 năm, nên bên nhượng quyền không đáp ứng đủ điều kiện nhượng quyền thương mại; bên nhận quyền cũng không có đăng ký kinh doanh ngành nghề phù hợp với đối tượng của quyền thương mại. Do đó, Hợp đồng nhượng quyền thương mại giữa nguyên đơn và bị đơn vô hiệu do vi phạm điều cấm theo quy định tại Điều 122 và Điều 1123 Bộ luật Dân sự. Lỗi dẫn đến Hợp đồng vô hiệu là do

hai phía, nên các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu và hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

[2.3] Bị đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền 47.718.240đ, nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh thiệt hại xảy ra với số tiền 47.718.240đ; cũng như nguyên đơn yêu cầu giải quyết lợi nhuận 8.500.000đ trong thời gian kinh doanh. Tuy nhiên, cả hai bên đều không chứng minh được yêu cầu của mình là có căn cứ, do đó không được chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng kháng cáo của bà Lê Ngọc D là không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Ngọc D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Ngọc D, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 30, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 284, 285, 287, 306 Luật Thương mại năm 2005. Điều 122, 123, 131, 132 của Bộ luật Dân sự 2015. Điều 7 Luật Đầu tư năm 2014. Điều 4, 139, 141, 142 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2014. Điều 5, 6 Nghị định 35/2006/NĐ-CP ngày 31/3/2006. Điều 8 Nghị định 15/01/2018 của chính phủ. Tuyên xử:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc D về việc buộc bị đơn bà Hồ Thị Phương A phải thanh toán số tiền 158.500.000 đồng.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hồ Thị Phương A:

Tuyên bố hợp đồng nhượng quyền thương mại hiệu “Trà sữa và Bánh R” xác lập giữa nguyên đơn bà Lê Ngọc D với bị đơn bà Hồ Thị Phương A là vô hiệu. Buộc nguyên đơn bà Lê Ngọc D phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho bị đơn bà Hồ Thị Phương A.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại với số tiền 47.718.240 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hành tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Ngọc D phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền bà Lê Ngọc D đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2011/005725 ngày 06/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến Đặng Kim Nhân

Trần Quốc Cường